

Bản án số: 41/2024/HS-ST
Ngày: 28-11-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Ngọc Minh

Bà Nguyễn Thị Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Kim Thanh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tòng, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 36/2024/TLST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Mai Văn H, sinh ngày 01/01/2004; nơi sinh: Long An; nơi cư trú: Số B, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn H1 và bà Mai Thị H2; chưa có vợ con;

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 08/3/2024, bị Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An xử phạt số tiền 2.500.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 13/3/2024, được coi là còn trong thời hạn bị xử lý vi phạm hành chính;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10/7/2024 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

2. Nguyễn Thành N, sinh ngày 06/5/2005; nơi sinh: Long An; nơi cư trú: Số A, ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Long An; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hồng T và bà Nguyễn Thị L; chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 24/4/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng, chấp hành xong ngày 24/4/2024, được xem là trường hợp không có án tích theo Điều 107 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/10/2024 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

Bị hại:

1. Ông Đoàn Công Bé S, sinh năm 1964. Địa chỉ: Số H, ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

2. Ông Nguyễn Hải T1, sinh năm 1985. Địa chỉ: Số A, ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

3. Ông Đinh Văn T2, sinh năm 1955. Địa chỉ: Số F, ấp E, xã H, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

4. Ông Trương Văn D, sinh năm 1965. Địa chỉ: Ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

5. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1977 (vắng mặt).

6. Ông Trần Quốc T3, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số C, đường N, khu phố A, phường G, thành phố T, tỉnh Long An.

Chỗ ở hiện nay: Số E, tỉnh lộ 827, khu phố B, phường C, thành phố T, tỉnh Long An.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Đỗ Văn T4, sinh năm 1982. Địa chỉ: Số A, ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Long An (có mặt).

2. Ông Đặng Lâm T5, sinh năm 1961. Địa chỉ: Ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 17/6/2024, Mai Văn H sử dụng xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, không biển kiểm soát chở Nguyễn Thành N lưu thông trên đường K đoạn thuộc ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Long An, N ngồi phía sau nhìn thấy xe mô tô biển số 62K1-412.01 của ông Đoàn Công Bé S dừng trong chòi thanh long, không có người trông coi, N rủ H trộm xe, H đồng ý. H đậu xe bên ngoài cảnh giới, N đi bộ vào chòi thanh long dùng tay bẻ khóa cổ xe nhưng không được thì đi trở ra cảnh giới để H đi vào dùng tay bẻ khóa cổ, lấy trộm được xe dẫn ra chỗ N đứng đợi. H chạy xe mô tô Exciter đẩy xe vừa trộm do N điều khiển đến đường đan đoạn thuộc ấp V, xã D, huyện C, tỉnh Long An dừng lại. H dùng tay bẻ biển số 62K1-412.01

gắn phía sau đuôi xe ném xuống ruộng thanh long của ông Lê Thanh T6, N dùng tay tháo thiết bị chống trộm của xe 62K1-412.01 đưa cho H ném xuống kênh. N tiếp tục ngồi trên xe trộm, H dùng xe Exciter đẩy xe trộm đến khu vực ấp V, xã D, huyện C, tỉnh Long An thì dừng lại để N tháo 02 kính chiếu hậu của xe trộm ném xuống ruộng thanh long rồi H tiếp tục đẩy xe để N điều khiển xe trộm đến tiệm ve chai của ông Đặng Lâm T5 thuộc ấp N, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang bán cho tiệm ve chai được số tiền 800.000 đồng, chia nhau tiêu xài cá nhân. Sau đó, ông T5 dùng máy cắt, chìa khóa tháo xe mô tô cân phế liệu được 85 kg, bán lại cho người thu mua phế liệu khác không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể, với số tiền 1.000.000 đồng. Đến ngày 09/7/2024, Công an xã A, huyện C mời làm việc, H, N thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp xe mô tô biển số 62K1-412.01 của ông Đoàn Công Bé S.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 14/KL-HĐĐG ngày 10/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: Xe mô tô biển số 62K1-412.01, hiệu Honda, loại xe Wave Alpha, màu đỏ đen bạc, đăng ký sử dụng năm 2019, có giá trị định giá là 14.879.200 đồng.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra còn xác định Mai Văn H, Nguyễn Thành N thực hiện trộm cắp tài sản các lần như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 13 giờ ngày 16/6/2024, H điều khiển xe mô tô Exciter chở N trên đường C đoạn thuộc ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Long An thì N phát hiện xe mô tô biển số 62F6-5152 của ông Nguyễn Hải T1 đậu ở hành lang nhà của bà Huỳnh Thị L1, N rủ H trộm xe, H đồng ý. H đứng ngoài canh giới, N đi vào dùng tay bẻ khóa cổ xe, lấy trộm dẫn ra chỗ H. N điều khiển xe trộm, H dùng xe mô tô Exciter đẩy xe N đến khu vực ấp Á, xã P, huyện C, tỉnh Long An, H dùng chân đạp gãy đuôi xe trộm, ném xuống ruộng nước, N bứt dây mát khởi động xe chạy đến tiệm ve chai của ông Đỗ Văn T4 ngụ ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Long An bán được số tiền 1.200.000 đồng, chia nhau tiêu xài cá nhân.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 38/KL-HĐĐG ngày 06/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: Xe mô tô biển số 62F6-5152, có giá trị định giá là 4.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 16 giờ ngày 16/6/2024, H chở N bằng xe mô tô Exciter đến khu vực ấp E, xã H, huyện C, tỉnh Long An, H phát hiện xe mô tô biển số 62K2-5743 của ông Đinh Văn T2 đậu ở lề đường, H rủ N trộm xe, N đồng ý. N đi lại lấy trộm xe rồi ngồi lên xe, H dùng xe mô tô Exciter đẩy đến tiệm ve chai của ông Đỗ Văn T4 bán được số tiền 1.000.000 đồng, chia nhau tiêu xài cá nhân.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 39/KL-HĐĐG ngày 09/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: Xe mô tô biển số 62K2-5743, có giá trị định giá là 1.700.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 10 giờ ngày 18/6/2024, H rủ N đi trộm xe, N đồng ý. H điều khiển xe mô tô Exciter chở N đến ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An, H phát hiện xe mô tô biển số 62FA-4489 của ông Trương Văn D đậu trong chòi thanh

long, không người trông coi, H đứng ngoài cảnh giới, N đi vào thấy xe có gắn sẵn chìa khóa trên xe, N mở khóa lấy trộm chạy về nhà của N cất giấu. Đến ngày 19/6/2024, H, N chạy xe trộm đến tiệm ve chai của ông Đỗ Văn T4 bán được số tiền 500.000 đồng, chia nhau tiêu xài cá nhân.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 40/KL-HĐĐG ngày 09/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C kết luận: Xe mô tô biển số 62FA-4489 (dạng xe Cup), có giá trị định giá là 2.500.000 đồng.

Vụ thứ tư: Khoảng 13 giờ ngày 20/6/2024, N điều khiển xe mô tô trộm của bà Nguyễn Thị S1 chạy đến khu vực Cống N thuộc xã P, huyện C gặp, rủ H đi huyện T, tỉnh Long An để trộm xe, H đồng ý. Khoảng 14 giờ cùng ngày, H chở N bằng xe mô tô trộm của bà S1, đến công trình xây dựng nhà ở thuộc khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An, H phát hiện xe mô tô biển số 62B1-084.74, hiệu Yamaha, loại Sirius của vợ chồng bà Nguyễn Thị H3, ông Trần Quốc T3 dựng ở lề đường tỉnh lộ 818; H cảnh giới, N đi lại lấy trộm xe rồi điều khiển xe trộm, H điều khiển xe mô tô chạy phía sau đẩy xe N ra hướng cầu B thuộc xã T, huyện T, tỉnh Long An, cả hai tháo biển số xe 62B1-084.74 vứt xuống kênh, N chạy xe về nhà cất giấu. Sau đó, N lấy biển số 62K2-7736 gắn vào xe trộm rồi đưa cho H làm phương tiện đi lại và bán xe trộm của bà S1 cho một người phụ nữ không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể ở khu vực thị trấn T, huyện C với số tiền 800.000 đồng, tiêu xài chung số tiền 500.000 đồng, còn lại số tiền 300.000 đồng H giao nộp cho Cơ quan Công an.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 838/KL-HĐĐG ngày 15/7/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: Xe mô tô biển số 62B1-084.74, có giá trị định giá là 5.000.000 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 18/6/2024, H, N lấy trộm xe mô tô biển số 63B5-113.98 của bà Nguyễn Thị Thu H4 tại ấp N, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang và ngày 20/6/2024, H, N lấy trộm xe mô tô biển số 63H5-8563 của bà Nguyễn Thị S1 tại ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Long An đã thông báo cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang giải quyết theo thẩm quyền.

Đồ vật, tài liệu thu, tạm giữ gồm: 01 biển số xe số 62K1-412.01; 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ đen, số máy 5C64785374, số khung C640CY785366, sau xe gắn biển số 62K2-7736; biển số xe mô tô 63H5-8563; 01 điện thoại di động hiệu Realme, màu đen, cùng sim số 0327157940; số tiền 1.900.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Đoàn Công Bé S yêu cầu bồi thường xe mô tô biển số 62K1-412.01 theo giá trị định giá là 14.879.200 đồng; ông Nguyễn Hải T1 yêu cầu bồi thường số tiền 4.000.000 đồng, ông Đinh Văn T2 yêu cầu bồi thường số tiền 1.700.000 đồng, ông Trương Văn D yêu cầu bồi thường số tiền 2.500.000

đồng, bị cáo H, N đồng ý yêu cầu bồi thường nhưng chưa thực hiện. Bà Nguyễn Thị H3, ông Trần Quốc T3 đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường. Tại phiên tòa ông Đoàn Công Bé S không yêu cầu xem xét số tiền 12.500.000 đồng mà ông bỏ cốp xe bị mất trộm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo Mai Văn H, Nguyễn Thành N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu; Các bị cáo không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại về bản kết luận định giá, đồng thời không có khiếu nại gì đối với cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Tại bản cáo trạng số 37/CT-VKSCT ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An đã truy tố các bị cáo Mai Văn H, Nguyễn Thành N về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo Mai Văn H, Nguyễn Thành N theo tội danh và điều luật như cáo trạng đã nêu.

Về hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Mai Văn H mức án từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù, thời gian tù tính từ ngày bị bắt tạm giam.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N mức án từ 18 tháng tù đến 24 tháng tù, thời gian tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo có công việc làm thuê, điều kiện kinh tế khó khăn nên đề nghị xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về phân trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo H và N liên đới bồi thường cho ông Đoàn Công B Sáu số tiền 14.879.200 đồng; ông Nguyễn Hải T1 số tiền 4.000.000 đồng, ông Đinh Văn T2 số tiền 1.700.000 đồng, ông Trương Văn D số tiền 2.500.000 đồng.

Tại phiên tòa ông Đoàn Công Bé S không yêu cầu giải quyết số tiền 12.500.000 đồng bỏ cốp xe bị mất nên không xem xét.

Bà Nguyễn Thị H3 và ông Trần Quốc T3 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Trả cho ông Đoàn Công B Sáu 01 biển số xe 62K1-412.01; trả cho ông Nguyễn Hải T1 01 đuôi xe mang biển số 62F6-5152.

Tịch thu tiêu hủy: 01 biển số xe 62K2-7736.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 1.600.000 đồng.

Xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, không biển kiểm soát là phương tiện mà bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội phải được tịch thu nhưng bị cáo đã đem cầm cố lấy tiền, bỏ xe, không chuộc lại, không xác định được địa chỉ cụ thể của hàng cầm đồ Cơ quan điều tra không thu giữ xe được nên không xem xét.

Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và các bị cáo phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, của Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Xét thấy lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản khám nghiệm hiện trường và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với kết quả tranh luận tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định: Nhằm mục đích trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài, trong thời gian từ ngày 16/6/2024 đến ngày 20/6/2024, Mai Văn H và Nguyễn Thành N đã thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản là xe mô tô trên địa bàn huyện C và huyện T, tỉnh Long An, cụ thể như sau:

Ngày 16/6/2024, tại ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Long An trộm xe mô tô biển số 62F6-5152, trị giá 4.000.000 đồng của ông Nguyễn Hải T1 và tại ấp E, xã H, huyện C, tỉnh Long An trộm xe mô tô biển số 62K2-5743, trị giá 1.700.000 đồng của ông Đinh Văn T2; ngày 17/6/2024 tại ấp C, xã A, huyện C, tỉnh Long An, trộm xe mô tô biển số 62K1-412.01, trị giá 14.879.200 đồng của ông Đoàn Công B Sáu; ngày 18/6/2024 tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An trộm xe mô tô biển số 62FA-4489, trị giá 2.500.000 đồng của ông Trương Văn D và ngày 20/6/2024, tại khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An trộm xe mô tô biển số 62B1-084.74, trị giá 5.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị H3 và ông Trần Quốc T3, tổng tài sản chiếm đoạt có giá trị định giá là 28.079.200 đồng.

Các bị cáo là người thành niên có đủ khả năng nhận thức, điều khiển hành vi, các bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi đã gây ra. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát

nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An truy tố các bị cáo Mai Văn H, Nguyễn Thành N với tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3] Xét thấy, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo biết rõ hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện nên cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Đây là vụ án có đồng phạm, nhưng không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ với nhau, các bị cáo là người thực hành thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Do đó, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử cũng cân nhắc, xem xét đến tính chất cũng như mức độ thực hiện hành vi phạm tội và hậu quả xảy ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là người phạm tội tự thú và thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Xét, các bị cáo phạm tội 02 lần trở lên, trong đó bị cáo H có tiền sự, bị cáo N có nhân thân không tốt nên cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo có điều kiện cải tạo bản thân trở thành công dân tốt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo có công việc làm thuê, điều kiện kinh tế khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Đối với ông Đỗ Văn T4, ông Đặng Lâm T5 là chủ các tiệm ve chai, do không biết xe mô tô Mai Văn H, Nguyễn Thành N đem bán cho tiệm ve chai là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý là phù hợp.

Việc ông Đoàn Công Bé S cho rằng ngoài việc bị mất trộm xe mô tô biển số 62K1-412.01, ông còn bị mất 01 cái bóp bên trong có số tiền 12.500.000 đồng, cùng một số giấy tờ tùy thân, để bên trong cốp xe 62K1-412.01. Kết quả điều tra, bị cáo H, N và ông Đặng Lâm T5 người mua ve chai đã tháo rời xe 62K1-412.01 không phát hiện có cái bóp, tiền, giấy tờ tùy thân như ông Đoàn Công Bé S trình bày. Khi ông S bỏ cái bóp trong cốp xe thì không ai nhìn thấy, không ai biết được sự việc nên không có cơ sở xác định ông S bị mất cái bóp có tài sản, giấy tờ tùy thân cùng với xe mô tô biển số 62K1-412.01 mà bị cáo H, N đã trộm của ông S nên Cơ quan điều tra không xử lý và tại phiên tòa ông S không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo H và N phải liên đới bồi thường

cho các bị hại, tổng số tiền là 23.079.200 đồng, cụ thể bồi thường cho ông Đoàn Công B Sáu số tiền 14.879.200 đồng; ông Nguyễn Hải T1 số tiền 4.000.000 đồng, ông Đinh Văn T2 số tiền 1.700.000 đồng, ông Trương Văn D số tiền 2.500.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị H3 và ông Trần Quốc T3 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C trả lại cho bà Nguyễn Thị H3 và ông Trần Quốc T3 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ đen, số máy 5C64785374, số khung C640CY785366. Trả lại cho Mai Văn H 01 điện thoại di động hiệu Realme cùng sim số 0327157940 không liên quan đến việc phạm tội là có căn cứ; Đối với biển số xe mô tô 63H5-8563 và số tiền 300.000 đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C tiếp tục tạm giữ để bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, tỉnh Tiền Giang giải quyết theo thẩm quyền là đúng quy định của pháp luật.

Áp dụng Điều 46, 47, 48 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả cho ông Đoàn Công B Sáu 01 biển số xe 62K1-412.01; trả cho ông Nguyễn Hải T1 01 đuôi xe mang biển số 62F6-5152.

Tịch thu tiêu hủy: 01 biển số xe 62K2-7736.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 1.600.000 đồng.

Đối với xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, không biển kiểm soát do bị cáo đã cầm cố lấy tiền, bỏ xe, không chuộc lại, không xác định được địa chỉ cụ thể cửa hàng cầm đồ nên Cơ quan điều tra không thu giữ xử lý là có căn cứ.

[9] Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị xử phạt các bị cáo Mai Văn H và Nguyễn Thành N với tội danh và mức án trên là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Mai Văn H và Nguyễn Thành N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17; Điều 38; Điều 50; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Mai Văn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 10/7/2024.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 22/10/2024.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tiếp tục tạm giam các bị cáo Mai Văn H và Nguyễn Thành N thời hạn 45 ngày, kể từ ngày xét xử sơ thẩm là ngày 28/11/2024 để đảm bảo cho việc thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Mai Văn H và Nguyễn Thành N phải liên đới bồi thường cho ông Đoàn Công B Sáu số tiền 14.879.200 đồng; ông Nguyễn Hải T1 số tiền 4.000.000 đồng, ông Đinh Văn T2 số tiền 1.700.000 đồng, ông Trương Văn D số tiền 2.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về xử lý vật chứng:

Trả cho ông Đoàn Công B Sáu 01 biển số xe 62K1-412.01; trả cho ông Nguyễn Hải T1 01 đuôi xe mang biển số 62F6-5152.

Tịch thu tiêu hủy: 01 biển số xe 62K2-7736.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 1.600.000 đồng.

Các vật chứng trên đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành theo Quyết định chuyển vật chứng số 29/QĐ-VKSCT ngày 31/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An; biên bản giao nhận vật chứng vụ án ngày 04/11/2024 giữa Công an huyện C và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 1.600.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004372 ngày 04/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An để đảm bảo thi hành án.

Về án phí:

Các bị cáo Mai Văn H và Nguyễn Thành N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo Mai Văn H và Nguyễn Thành N phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 1.153.960 đồng.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo bản án 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Đường sự;
- Tòa án ND tỉnh;
- VKS ND tỉnh;
- VKS ND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA DS huyện Châu Thành;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Châu Thành;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Ái Duy